



MOORE AISC

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM

MỤC LỤC

----- oOo -----

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	03 - 04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	05 - 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	08 - 09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 36

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam(sau đây gọi tắt là “Công ty”) trân trọng đề trình Báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được kiểm toán của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

1. Thông tin chung về Công ty

Thành lập

Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam (gọi tắt là Công ty) là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106798702, đăng ký lần đầu 24 tháng 03 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 23 tháng 7 năm 2025.

Hình thức sở hữu vốn

Công ty là công ty cổ phần.

Hoạt động kinh doanh của Công ty

Sản xuất plastic nguyên sinh và kinh doanh hạt nhựa.

Tên tiếng anh:

Vietnam Eco Plastic Technology Joint Stock Company

Tên viết tắt:

ECOPLASTIC VN

Mã chứng khoán:

ECO (UpCom)

Trụ sở chính:

Thôn Trung Dương, Xã Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong kỳ của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất gồm có:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Bình

Chủ tịch

Ông Nguyễn Hữu Dương

Thành viên

Ông Đào Quốc Hùng

Thành viên

Ông Nguyễn Đình Tuấn

Thành viên

Ông Nguyễn Tôn Việt

Thành viên

Bỏ nhiệm ngày 25/4/2025

Ông Nguyễn Thành An

Thành viên

Miễn nhiệm ngày 25/4/2025

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thu Hằng

Trưởng ban

Bà Đỗ Thị Duyên

Thành viên

Bà Trần Ngọc Phương

Thành viên

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Đình Tuấn

Tổng Giám đốc

Bỏ nhiệm ngày 15/7/2025

Ông Nguyễn Hữu Dương

Tổng Giám đốc

Miễn nhiệm ngày 15/7/2025

Ông Đào Quốc Hùng

Phó Tổng Giám đốc

Bà Lê Thị Thủy

Phó Tổng Giám đốc

Bà Trần Thị Việt Hoa

Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo hợp nhất này như sau:

Ông Nguyễn Đình Tuấn

Tổng Giám đốc

Từ ngày 23/7/2025

Ông Nguyễn Hữu Dương

Tổng Giám đốc

Đến ngày 22/7/2025

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

4. Kiểm toán độc lập

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học MOORE AISIC ("MOORE AISIC") đã được bổ nhiệm là kiểm toán viên cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 của Công ty.

5. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025. Trong quá trình soạn thảo các Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm.

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Đình Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2025

Số: B0625100-HN/MOOREAISHN-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi** Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam được lập ngày 11 tháng 8 năm 2025, từ trang 05 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024 đã được soát xét bởi kiểm toán viên và Công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính riêng này tại ngày 14 tháng 08 năm 2024.

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2025

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC



Nguyễn Thanh Tùng

Phó Giám đốc

Số Giấy CNĐKHNKT: 4981-2024-005-1

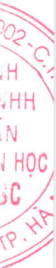
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

Phan Công Văn

Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHNKT: 5298-2021-005-1

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Thuyết minh	30/6/2025	01/01/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		318.061.818.855	256.812.755.933
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.01	91.383.110.286	52.430.821.051
1. Tiền		40.583.110.286	11.780.821.051
2. Các khoản tương đương tiền		50.800.000.000	40.650.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	V.02	28.130.943.708	45.362.296.404
1. Chứng khoán kinh doanh		18.439.939.230	28.263.410.429
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(1.492.491.412)	(901.114.025)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		11.183.495.890	18.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn		123.548.087.125	87.554.604.577
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.03	53.052.695.483	29.598.893.841
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.04	62.371.812.945	52.938.606.782
3. Phải thu ngắn hạn khác	V.05	8.123.578.697	5.017.103.954
IV. Hàng tồn kho	V.06	69.637.662.105	68.879.476.480
1. Hàng tồn kho		69.637.662.105	68.879.476.480
V. Tài sản ngắn hạn khác		5.362.015.631	2.585.557.421
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.09	311.127.944	332.740.840
2. Thuế GTGT được khấu trừ		5.050.887.687	2.252.816.581
B. TÀI SẢN DÀI HẠN		85.114.353.973	58.388.089.432
I. Tài sản cố định		13.273.109.566	17.122.503.291
1. Tài sản cố định hữu hình	V.08	13.273.109.566	17.122.503.291
- Nguyên giá		89.640.900.631	89.770.500.631
- Giá trị hao mòn lũy kế		(76.367.791.065)	(72.647.997.340)
II. Tài sản dở dang dài hạn	V.07	5.449.315	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		5.449.315	-
III. Đầu tư tài chính dài hạn	V.02	32.121.548.629	32.012.743.298
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		32.121.548.629	32.012.743.298
IV. Tài sản dài hạn khác		39.714.246.463	9.252.842.843
1. Chi phí trả trước dài hạn	V.09	39.714.246.463	9.252.842.843
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		403.176.172.828	315.200.845.365

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/6/2025	01/01/2025
C. NỢ PHẢI TRẢ		171.390.613.662	90.803.045.624
I. Nợ ngắn hạn		130.782.609.758	85.981.042.923
1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.11	16.762.126.933	19.087.070.273
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.12	2.072.209.248	5.873.750.723
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.13	4.480.334.825	3.353.343.409
4. Phải trả người lao động		-	951.000.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.14	1.573.538.074	123.266.855
6. Phải trả ngắn hạn khác	V.15	77.562.830	448.417.907
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.10	105.816.837.848	56.144.193.756
II. Nợ dài hạn		40.608.003.904	4.822.002.701
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.10	40.608.003.904	4.822.002.701
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		231.785.559.166	224.397.799.741
I. Vốn chủ sở hữu	V.16	231.785.559.166	224.397.799.741
1. Vốn góp của chủ sở hữu		200.000.000.000	200.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		200.000.000.000	200.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		29.816.868.209	24.399.036.425
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		24.399.036.425	10.291.609.910
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>		5.417.831.784	14.107.426.515
3. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		1.968.690.957	(1.236.684)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		403.176.172.828	315.200.845.365


Trần Thị Việt Hoa

Người lập biểu

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2025


Trần Thị Việt Hoa

Kế toán trưởng

**Nguyễn Đình Tuấn**

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	241.164.291.469	208.133.746.708
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	231.095.187
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		241.164.291.469	207.902.651.521
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	222.465.075.957	195.427.666.878
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		18.699.215.512	12.474.984.643
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	4.891.915.318	3.603.120.440
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	8.117.979.927	4.346.329.255
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.845.748.237	1.083.740.341
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		108.805.331	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.7	5.510.995.279	3.509.707.627
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	3.236.778.471	1.998.151.831
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.834.182.484	6.223.916.370
12. Thu nhập khác	31	VI.9	1.219.061.821	127.127.709
13. Chi phí khác	32	VI.10	944.072.447	228.988.244
14. Lợi nhuận khác	40		274.989.374	(101.860.535)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.109.171.858	6.122.055.835
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.11	1.721.412.433	1.285.251.095
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>5.387.759.425</u>	<u>4.836.804.740</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		5.417.831.784	4.836.804.740
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(30.072.359)	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	271	242
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.13	271	242



Trần Thị Việt Hoa

Người lập biểu

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2025



Trần Thị Việt Hoa

Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Tuấn

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		7.109.171.858	6.122.055.835
2. Điều chỉnh cho các khoản			7.476.778.670	4.301.099.692
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		3.849.393.725	2.897.865.908
- Các khoản dự phòng	03		591.377.387	753.658.422
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(66.039.034)	257.426.893
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(743.701.645)	(691.591.872)
- Chi phí lãi vay	06		3.845.748.237	1.083.740.341
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		14.585.950.528	10.423.155.527
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(38.840.853.532)	(38.494.035.350)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(758.185.625)	(9.764.083.388)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(5.975.828.919)	20.442.656.754
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(30.439.790.724)	(157.900.454)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		9.823.471.199	9.494.543.191
- Tiền lãi vay đã trả	14		(3.845.748.237)	(1.092.062.174)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(600.000.000)	(2.306.117.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(56.050.985.310)	(11.453.843.294)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(5.449.315)	(755.292.510)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		10.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(26.780.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		7.000.000.000	49.441.000.000
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		2.000.000.000	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		552.501.178	1.254.150.817
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		9.557.051.863	23.159.858.307

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		213.849.559.292	78.954.374.562
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(128.390.913.997)	(80.618.096.526)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		85.458.645.295	(1.663.721.964)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		38.964.711.848	10.042.293.049
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		52.430.821.051	10.938.360.569
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(12.422.613)	68.750.195
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.01	91.383.110.286	21.049.403.813



Trần Thị Việt Hoa
Người lập biểu
Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2025



Trần Thị Việt Hoa
Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Tuấn
Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Thành lập

Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam (gọi tắt là Công ty) là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106798702, đăng ký lần đầu 24 tháng 03 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 23 tháng 7 năm 2025.

Hình thức sở hữu vốn

Công ty là công ty cổ phần.

Tên tiếng anh: Vietnam Eco Plastic Technology Joint Stock Company

Tên viết tắt: ECOPLASTIC VN

Mã chứng khoán: ECO (UpCom)

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Thôn Trung Dương, Xã Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất plastic nguyên sinh và kinh doanh hạt nhựa.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

Sản xuất các sản phẩm nhựa;

Sản xuất plastic nguyên sinh;

Sản xuất cao su tổng hợp dạng nguyên sinh;

Kinh doanh hạt nhựa.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

5. Tổng số nhân viên đến 30/6/2025: 71 nhân viên. (31/12/2024 : 71 nhân viên)

6. Cấu trúc doanh nghiệp

6.1. Danh sách các công ty con

Tại ngày 30/6/2025, Công ty có một (01) công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa sinh thái Việt Nam	tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Sản xuất bao bì nhựa, kinh doanh hạt nhựa	98%	98%	98%

6.2. Danh sách các công ty liên doanh, liên kết

Tại ngày 30/6/2025, Công ty có một (01) công ty liên doanh, liên kết như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần nhựa Tân Quang	tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Kinh doanh hạt nhựa	45,71%	45,71%	45,71%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6.3. Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

<i>Tên đơn vị trực thuộc</i>	<i>Địa chỉ</i>
Địa điểm kinh doanh - Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam	Thôn Chí Trung, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
Chi nhánh Nhà máy sản xuất - Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam	Khu công nghiệp Tân Quang, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

Đây là năm đầu tiên Công ty lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo quy định.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Công ty áp dụng Thông tư 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 202 thay thế cho các hướng dẫn trước đây trong phần XIII Thông tư số 161/2007/TT-BTC ban hành ngày 31/12/2007 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các Công ty con ("Công ty") cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2025.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày "Công ty" thực sự nắm quyền kiểm soát các Công ty con, và chấm dứt vào ngày "Công ty" thực sự chấm dứt quyền kiểm soát các Công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty con được lập cùng kỳ kế toán với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa Công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư giữa các đơn vị trong cùng "Công ty" và các khoản doanh thu, thu nhập, chi phí phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ "Công ty", kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ "Công ty" đang nằm trong giá trị tài sản được loại trừ hoàn toàn.

Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đang phản ánh trong giá trị tài sản cũng được loại bỏ trừ khi chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của Công ty con không được nắm giữ bởi Công ty, được trình bày riêng biệt trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của "Công ty" trong phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Nguyên tắc kế toán đối với chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh bao gồm cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán; các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể cả chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng mua vào, bán ra để kiếm lời).

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập đối với phần giá trị bị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của chứng khoán kinh doanh tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Nguyên tắc kế toán đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, các khoản đầu tư này được đánh giá theo giá trị có thể thu hồi. Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm/kỳ và ghi giảm giá trị đầu tư.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận khi Công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không nắm quyền kiểm soát trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát: được ghi nhận khi Công ty có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của cơ sở này. Khi Công ty không còn quyền đồng kiểm soát thì ghi giảm khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Các khoản đầu tư này được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, các khoản vốn góp ban đầu được ghi nhận theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của bên góp vốn trong tài sản thuần của Công ty liên kết, liên doanh sau khi mua. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty liên kết, liên doanh sau khi mua thành một chỉ tiêu riêng biệt.

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh được trình bày gộp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà thực hiện đánh giá hàng năm xem lợi thế thương mại có bị suy giảm hay không.

Báo cáo tài chính của Công ty liên kết, liên doanh được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa theo chi phí nguyên vật liệu chính.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung phát sinh trong quá trình sản xuất sản phẩm.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo giá bình quân gia quyền.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):**6.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

6.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	08 năm
Máy móc, thiết bị	05 - 08 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 năm

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như: Chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và các chi phí khác.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: Chi phí mua bảo hiểm (bảo hiểm cháy, nổ, bảo hiểm xe, bảo hiểm tài sản...); công cụ dụng cụ; chi phí sửa chữa TSCĐ ...

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ trên 12 tháng đến 36 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

9. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả (bao gồm việc đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản nợ phải trả thuê tài chính được ghi nhận là tổng số tiền phải trả tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay:

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 "Chi phí đi vay".

Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ: Trường hợp phát sinh các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hóa trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Chi phí phải trả bao gồm chi phí sẽ phải chi trong thời gian ngừng sản xuất, kinh doanh; chi phí lãi tiền vay; chi phí để tạm tính giá vốn hàng hóa, thành phẩm bất động sản đã bán; chi phí phải trả về tiền lương nghỉ phép... đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả. Các chi phí này được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả theo các hợp đồng, thỏa thuận,...

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu:**

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp (đầu tư mua bán chứng khoán, thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, công ty con, đầu tư vốn khác; lãi tỷ giá hối đoái; Lãi chuyển nhượng vốn)...

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng.
- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán.; Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm và hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước. Công ty không phản ánh vào tài khoản này tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong năm và hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

18. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong kỳ chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

19. Công cụ tài chính:**Ghi nhận ban đầu:****Tài sản tài chính**

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết, không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay và các công cụ tài chính phái sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

19. Công cụ tài chính (tiếp theo)

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

20. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

21. Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh hợp nhất theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Trong kỳ, Công ty có hoạt động kinh doanh trong nước và xuất khẩu. Nhằm phục vụ công tác quản lý, Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý. Mặt khác, hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là sản xuất và kinh doanh plastic nguyên sinh, hạt nhựa nên Ban Tổng Giám đốc Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2025	01/01/2025
Tiền	40.583.110.286	11.780.821.051
Tiền mặt	866.977.680	1.868.395.583
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	39.716.132.606	9.912.425.468
Các khoản tương đương tiền	50.800.000.000	40.650.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn 2 tháng (*)	650.000.000	650.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng (**)	50.150.000.000	40.000.000.000
Cộng	91.383.110.286	52.430.821.051

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 2 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội, lãi suất 1,6%/năm. Khoản tiền gửi được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng này.

(**) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - PGD Mỹ Đình, lãi suất 4,5%/năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

Mã chứng khoán	30/6/2025			01/01/2025		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Tổng giá trị cổ phiếu	18.439.939.230	20.911.444.000	(1.492.491.412)	28.263.410.429	28.722.440.000	(901.114.025)
Công ty Cổ phần Miza	6.876.870.000	10.200.000.000	-	-	-	-
Công ty Cổ phần COMA18	3.012.927.918	3.053.094.000	-	-	-	-
Tổng Công ty CP Địa ốc Sài Gòn	2.997.842.328	2.314.690.000	(683.152.328)	8.367.934.575	8.021.250.000	(346.684.575)
Công ty CP Xây dựng Cao su Đồng Nai	2.131.184.674	1.365.000.000	(766.184.674)	3.839.454	5.520.000	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Thăng Long	1.196.391.900	1.507.000.000	-	8.157.217.500	8.895.000.000	-
Cổ phiếu của các Công ty khác	2.224.722.410	2.471.660.000	(43.154.410)	11.734.418.900	11.800.670.000	(554.429.450)
Cộng	18.439.939.230	20.911.444.000	(1.492.491.412)	28.263.410.429	28.722.440.000	(901.114.025)

Giá trị hợp lý của các chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá đóng cửa của các chứng khoán này trên sàn HNX và sàn HOSE tại ngày 01/01/2025 và 30/6/2025.

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị ghi số	Giá gốc	Giá trị ghi số
b1. Ngắn hạn	11.183.495.890	11.183.495.890	18.000.000.000	18.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	11.183.495.890	11.183.495.890	18.000.000.000	18.000.000.000
Cộng	11.183.495.890	11.183.495.890	18.000.000.000	18.000.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi vào các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc sáu (06) tháng với lãi suất dao động từ 3,7%/năm đến 5,4%/năm. Trong đó, khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đồng Hà Nội trị giá 8.183.495.890 VND đang được dùng làm tài sản đảm bảo cầm cố cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng này; khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam trị giá 3.000.000.000 VND đang được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng này.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Mẫu số B 09 - DN/HN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

c. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	30/6/2025			01/01/2025		
	Giá gốc	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Đầu tư vào công ty liên kết	32.000.000.000			32.121.548.629	32.000.000.000	32.012.743.298
Công ty Cổ phần nhựa Tân Quang	32.000.000.000	45,71%	45,71%	32.121.548.629	32.000.000.000	32.012.743.298
Cộng	32.000.000.000			32.121.548.629	32.000.000.000	32.012.743.298

Theo Nghị quyết số 27.07/2022/NQ-HĐQT/NST ngày 27/07/2022 của Hội đồng quản trị, Công ty quyết định góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần nhựa Tân Quang với số tiền là 32 tỷ đồng, tương ứng với tỷ lệ sở hữu 45,71% (vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Nhựa Tân Quang là 70 tỷ đồng).

Tại thời điểm 30/6/2025, Công ty đang nắm giữ 3.200.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Nhựa Tân Quang, tương ứng tỷ lệ sở hữu 45,71%, tỷ lệ biểu quyết 45,71%.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên kết trong kỳ: Xem chi tiết tại thuyết minh số VIII.2. Giao dịch với các bên liên quan.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Phải thu của khách hàng

	30/6/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thương mại Vạn Phát	9.418.388.750	-	-	-
- PDS - Spain	4.624.724.528	-	-	-
- EP, SA - Spain	4.098.127.570	-	-	-
- SD LTD - Belgium	4.072.517.754	-	2.347.940.942	-
- S.S LDA - Portugal	2.955.621.265	-	4.940.006.251	-
- EVP Sas	949.426.010	-	2.375.872.733	-
- Công ty Cổ phần Thuận Đức	-	-	4.357.800.000	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	26.933.889.606	-	15.577.273.915	-
Cộng	53.052.695.483	-	29.598.893.841	-

4. Trả trước cho người bán

	30/6/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
- Công ty Cổ phần Kinh doanh và Thương mại Nam Cường	31.046.265.816	-	37.496.788.516	-
- Công ty Cổ phần Indcon (*)	15.000.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần nhựa Tân Quang	6.118.976.500	-	5.954.831.500	-
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu 5T	4.080.875.000	-	5.158.267.550	-
- Các khoản trả trước người bán khác	6.125.695.629	-	4.328.719.216	-
Cộng	62.371.812.945	-	52.938.606.782	-
b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan				
- Công ty Cổ phần nhựa Tân Quang	6.118.976.500	-	5.954.831.500	-
Cộng	6.118.976.500	-	5.954.831.500	-

(*) Khoản trả trước theo Hợp đồng thi công xây dựng số 01/2025/HĐXD/ECO-IDC ngày 23/06/2025 giữa Công ty Cổ phần Bao bì nhựa Sinh thái Việt Nam và Công ty Cổ phần Indcon về việc Thi công xây dựng Nhà máy sản xuất bao bì tại KCN Phố Nối A mở rộng diện tích 92,5ha, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên (nay là Xã Lạc Đạo, Tỉnh Hưng Yên).

5. Phải thu khác

	30/6/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
- Phải thu lãi tiền gửi	323.578.697	-	241.183.561	-
- Phải thu về thuế GTGT đề nghị hoàn	7.800.000.000	-	4.200.000.000	-
- Tạm ứng	-	-	467.350.393	-
- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	-	-	108.570.000	-
Cộng	8.123.578.697	-	5.017.103.954	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Hàng tồn kho

	30/6/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng mua đang đi đường	-	-	6.439.917.566	-
- Nguyên liệu, vật liệu	53.496.816.562	-	50.021.499.799	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.992.428.770	-	-	-
- Thành phẩm	7.855.252.991	-	10.117.586.166	-
- Hàng hóa	6.293.163.782	-	2.300.472.949	-
Cộng	69.637.662.105	-	68.879.476.480	-

Toàn bộ giá trị hàng tồn kho tại ngày 30/6/2025 được dùng để thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại được Công ty xác định là không suy giảm giá trị.

7. Tài sản dở dang dài hạn

	30/6/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Xây dựng cơ bản dở dang				
- Xây dựng cơ bản	5.449.315	-	-	-
Dự án Nhà máy sản xuất bao bì nhựa	5.449.315	-	-	-
Cộng	5.449.315	-	-	-

(*) Dự án xây dựng nhà máy sản xuất bao bì nhựa có địa chỉ KCN phố Nổi A mở rộng diện tích 92,5 Ha, tỉnh Hưng Yên.

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	5.391.685.473	81.000.949.892	3.377.865.266	89.770.500.631
- Thanh lý, nhượng bán	-	(129.600.000)	-	(129.600.000)
Số dư cuối kỳ	5.391.685.473	80.871.349.892	3.377.865.266	89.640.900.631
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	4.607.642.994	66.560.817.114	1.479.537.232	72.647.997.340
- Khấu hao trong kỳ	160.033.806	3.515.106.419	174.253.500	3.849.393.725
- Thanh lý, nhượng bán	-	(129.600.000)	-	(129.600.000)
Số dư cuối kỳ	4.767.676.800	69.946.323.533	1.653.790.732	76.367.791.065
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu kỳ	784.042.479	14.440.132.778	1.898.328.034	17.122.503.291
Tại ngày cuối kỳ	624.008.673	10.925.026.359	1.724.074.534	13.273.109.566

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 11.315.765.698 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 33.153.970.407 VND

9. Chi phí trả trước

	30/6/2025	01/01/2025
a) Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	191.032.599	297.947.890
- Các khoản khác	120.095.345	34.792.950
Cộng	311.127.944	332.740.840
b) Dài hạn		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.536.772.938	1.573.763.370
- Tiền thuê quyền sử dụng đất gắn với cơ sở hạ tầng (*)	38.177.473.525	7.670.964.224
- Các khoản khác	-	8.115.249
Cộng	39.714.246.463	9.252.842.843

Theo Hợp đồng thuê lại quyền sử dụng đất gắn với kết cấu hạ tầng số 175/HĐTLĐ/KCN-PNA ngày 20/12/2024, Công ty thuê lại quyền sử dụng đất gắn với kết cấu hạ tầng của Công ty TNHH Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Hòa Phát Hưng Yên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số AA 00932291 do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Hưng Yên cấp ngày 01/4/2025.

+ Thời hạn thuê lại đất tính từ ngày bàn giao lô đất đến ngày 15/01/2054.

+ Mục đích sử dụng là xây dựng Nhà máy sản xuất bao bì nhựa.

+ Đơn giá tiền thuê cơ sở hạ tầng là 3.253.900 đồng/m2 tương đương 130 USD/m2, tổng số tiền thuê đã bao gồm thuế GTGT là 42.148.925.218 đồng tương đương 1.677.676 USD.



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

10. Vay và nợ thuê tài chính

	30/6/2025		Trong kỳ		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	105.816.837.848	105.816.837.848	178.768.319.253	129.095.675.161	56.144.193.756	56.144.193.756
- Vay ngắn hạn	103.301.962.747	103.301.962.747	176.253.444.152	127.686.152.833	54.734.671.428	54.734.671.428
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội (1)	33.425.697.254	33.425.697.254	36.562.858.079	37.655.008.815	34.517.847.990	34.517.847.990
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thăng Long (2)	20.095.265.493	20.095.265.493	23.743.987.866	22.527.900.792	18.879.178.419	18.879.178.419
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Thăng Long	-	-	-	300.202.116	300.202.116	300.202.116
Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)	-	-	16.175.598.207	17.213.041.110	1.037.442.903	1.037.442.903
Lê Văn Hoan (4)	24.051.000.000	24.051.000.000	44.851.000.000	20.800.000.000	-	-
Ngô Thị Tuyết Minh (5)	7.910.000.000	7.910.000.000	19.900.000.000	11.990.000.000	-	-
Nguyễn Tuấn Dũng (6)	17.820.000.000	17.820.000.000	35.020.000.000	17.200.000.000	-	-
- Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	2.514.875.101	2.514.875.101	2.514.875.101	1.409.522.328	1.409.522.328	1.409.522.328
b) Vay dài hạn	40.608.003.904	40.608.003.904	35.081.240.039	(704.761.164)	4.822.002.701	4.822.002.701
- Vay dài hạn	43.122.879.005	43.122.879.005	37.596.115.140	704.761.164	6.231.525.029	6.231.525.029
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thăng Long (3)	5.526.763.865	5.526.763.865	-	704.761.164	6.231.525.029	6.231.525.029
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Thăng Long (7)	37.596.115.140	37.596.115.140	37.596.115.140	-	-	-
- Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	(2.514.875.101)	(2.514.875.101)	(2.514.875.101)	(1.409.522.328)	(1.409.522.328)	(1.409.522.328)
Cộng	146.424.841.752	146.424.841.752	213.849.559.292	128.390.913.997	60.966.196.457	60.966.196.457

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

Số hợp đồng/Số khế ước	Kỳ hạn	Lãi suất	Hạn mức	Số dư tại ngày 30/6/2025	Mục đích vay vốn	Tài sản đảm bảo
(1) HĐTD số 328-04/2024-HĐCVHM/NHCT131-NST	Theo từng Khế ước nhận nợ	5,5% - 7%/năm	40.000.000.000	33.425.697.254	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh	Bất động sản, hàng tồn kho, các hợp đồng tiền gửi
(2) HĐTD số 01/2024/17910577/HĐTD	Theo từng Khế ước nhận nợ	5,9%/năm	25.000.000.000	20.095.265.493	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, bảo lãnh, mở L/C	Bất động sản, quyền đòi nợ, Phương tiện vận tải
(3) HĐTD 02/2024/17910577/HĐTD	60 tháng	Lãi vay năm thứ nhất cố định 6,3%/năm, các năm tiếp theo bằng lãi suất cơ sở + 3,0%/năm	276.866,39 USD	5.526.763.865	Thanh toán tiền mua máy móc cho nhà cung cấp nước ngoài	Tiền gửi có kỳ hạn, tài sản hình thành từ vốn vay
(4) Hợp đồng vay tiền số 04/2025/HĐVT/ECO-LVH ngày 02/6/2025	6 tháng	6,8%/năm	30.000.000.000	24.051.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
(5) Hợp đồng vay tiền số 03/2025/HĐVT/ECO-NTM ngày 04/4/2025	6 tháng	7,2%/năm	17.000.000.000	7.910.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
(6) Hợp đồng vay tiền số 02/2025/HĐVT/ECO-NTD ngày 09/6/2025	6 tháng	7,2%/năm	27.000.000.000	17.820.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
(7) HĐTD số 276487.25.058.36136968.TD ngày 16/01/2025	120 tháng	6,8% - 7,3%/năm	115.000.000.000	37.596.115.140	Tài trợ để thực hiện đầu tư Nhà máy sản xuất bao bì tại lô CN1, đường G6, KCN Phố Nối A mở rộng, Hưng Yên	Quyền sử dụng đất, quyền sử hữu tài sản gắn liền với đất theo GCN QSD đất số AA 00932291 và tài sản đang được hình thành, sẽ được hình thành trên đất trong tương lai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Phải trả người bán

	30/6/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn				
- Công ty Cổ phần Haplast	2.919.494.000	2.919.494.000	3.123.701.000	3.123.701.000
- Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Phú Lâm	2.558.950.000	2.558.950.000	1.793.655.000	1.793.655.000
- Công ty Cổ phần Nhựa Á Đông	2.029.747.500	2.029.747.500	1.331.522.500	1.331.522.500
- Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Tiên Phong	1.476.002.032	1.476.002.032	1.073.693.755	1.073.693.755
- Chi nhánh Công ty TNHH Công nghệ Nhựa và Môi trường NK - Nhà máy Nhựa Công nghệ Cao	-	-	2.120.850.000	2.120.850.000
- Phải trả các đối tượng khác	7.777.933.401	7.777.933.401	9.643.648.018	9.643.648.018
Cộng	16.762.126.933	16.762.126.933	19.087.070.273	19.087.070.273

12. Người mua trả tiền trước

	30/6/2025	01/01/2025
a) Ngắn hạn		
- As Pakendikeskus	317.350.041	612.667.358
- P.P Product	297.860.140	-
- R.I. INC	271.457.239	-
- Công ty Cổ phần Trịnh Nghiên	160.000	1.520.260.000
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại nhựa Cát Tường	-	1.363.147.500
- Các khoản người mua trả tiền trước khác	1.185.381.828	2.377.675.865
Cộng	2.072.209.248	5.873.750.723

13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2025	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/6/2025
a. Phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng	-	2.907.026	2.907.026	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.324.543.409	1.721.412.433	600.000.000	4.445.955.842
- Thuế thu nhập cá nhân	28.800.000	24.778.983	19.200.000	34.378.983
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	5.000.000	5.000.000	-
Cộng	3.353.343.409	1.754.098.442	627.107.026	4.480.334.825

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

14. Chi phí phải trả

a) Chi phí phải trả ngắn hạn

- Chi phí lãi vay
- Chi phí phải trả khác

Cộng

	30/6/2025	01/01/2025
	1.429.538.074	54.857.014
	144.000.000	68.409.841
	1.573.538.074	123.266.855

15. Phải trả khác

a) Ngắn hạn

- Bảo hiểm xã hội
- Bảo hiểm y tế
- Bảo hiểm thất nghiệp
- Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát
- Các khoản phải trả phải nộp khác

Cộng

	30/6/2025	01/01/2025
	21.641.355	25.520.606
	38.201.194	38.002.897
	17.720.281	17.319.674
	-	259.200.000
	-	108.374.730
	77.562.830	448.417.907

16. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích của cổ đồng không kiểm soát	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2024	200.000.000.000	10.290.775.661	-	210.290.775.661
Lãi trong kỳ trước	-	4.836.804.740	-	4.836.804.740
Số dư tại ngày 30/6/2024	200.000.000.000	15.127.580.401	-	215.127.580.401
Số dư tại ngày 01/01/2025	200.000.000.000	24.399.036.425	(1.236.684)	224.397.799.741
Tăng vốn trong kỳ này	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000
Lợi nhuận trong kỳ này	-	5.417.831.784	(30.072.359)	5.387.759.425
Số dư tại ngày 30/6/2025	200.000.000.000	29.816.868.209	1.968.690.957	231.785.559.166

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu kỳ	Tỷ lệ
Ông Nguyễn Văn Bình	40.000.000.000	20,00%	40.000.000.000	20,00%
Ông Nguyễn Hữu Dương	30.000.000.000	15,00%	30.000.000.000	15,00%
Ông Nguyễn Đình Tuấn	3.000.000.000	1,50%	3.000.000.000	1,50%
Cổ đông khác	127.000.000.000	63,50%	127.000.000.000	63,50%
Cộng	200.000.000.000	100%	200.000.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	200.000.000.000	200.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	200.000.000.000	200.000.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

d) Cổ phiếu

	30/6/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000	10.000

17. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán và cam kết thuê hoạt động

a) Tài sản thuê ngoài

Công ty ký hợp đồng mượn xưởng với diện tích 3500 m2 tại xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên để sử dụng với mục đích làm kho lưu giữ và sản xuất hàng hóa từ ngày 22/05/2024. Đến ngày 31/12/2024, Công ty ký hợp đồng thuê nhà xưởng số 052025/HĐĐK-STVN thuê nhà xưởng với diện tích là 5.932,5 m2 tại Khu Công nghiệp Tân Quang, xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên. Thời hạn thuê là 3 năm từ ngày 01/01/2025 với số tiền thuê trả hàng tháng áp dụng cho 2 năm đầu là 543.989.000 VND, kỳ hạn thanh toán 3 tháng 1 lần.

b) Ngoại tệ các loại

	Đơn vị tính	30/6/2025	01/01/2025
Đô la Mỹ	USD	450.498,68	361.728,94
Euro	EUR	18.120,34	288,04

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
Doanh thu bán hàng hóa	104.030.487.769	118.766.135.779
Doanh thu bán thành phẩm	135.173.803.700	88.783.099.456
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	482.011.473
Doanh thu bán phế liệu	1.960.000.000	102.500.000
Cộng	241.164.291.469	208.133.746.708

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
- Giảm giá hàng bán	-	231.095.187
Cộng	-	231.095.187

3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
- Doanh thu bán hàng hóa	104.030.487.769	118.766.135.779
- Doanh thu bán thành phẩm	135.173.803.700	88.552.004.269
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	-	482.011.473
- Doanh thu thuần bán phế liệu	1.960.000.000	102.500.000
Cộng	241.164.291.469	207.902.651.521

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Giá vốn hàng bán

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
Giá vốn của hàng hóa đã bán	102.455.696.316	116.412.668.683
Giá vốn của thành phẩm đã bán	117.771.335.301	78.463.655.274
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	390.624.335
Giá vốn của phế liệu đã bán	2.238.044.340	160.718.586
Cộng	222.465.075.957	195.427.666.878

5. Doanh thu hoạt động tài chính

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	634.896.314	691.591.872
Lãi đầu tư chứng khoán kinh doanh	1.366.690.483	473.874.189
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	2.824.289.487	2.437.654.379
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	66.039.034	-
Cộng	4.891.915.318	3.603.120.440

6. Chi phí tài chính

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
Lãi tiền vay	3.845.748.237	1.083.740.341
Lỗ đầu tư chứng khoán kinh doanh	3.215.717.801	1.012.775.630
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	465.136.502	1.238.727.969
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	257.426.893
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	591.377.387	753.658.422
Cộng	8.117.979.927	4.346.329.255

7. Chi phí bán hàng

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	972.222	-
Chi phí nhân công	530.216.621	300.634.984
Thuế, phí và lệ phí	-	2.160.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.845.827.480	2.468.415.328
Chi phí khác bằng tiền	133.978.956	738.497.315
Cộng	5.510.995.279	3.509.707.627

8. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
Chi phí nhân công	840.203.281	952.273.927
Chi phí khấu hao tài sản cố định	160.174.230	81.845.604
Thuế, phí, và lệ phí	8.000.000	5.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.483.153.504	538.111.528
Chi phí khác bằng tiền	745.247.456	420.920.772
Cộng	3.236.778.471	1.998.151.831

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

9. Thu nhập khác

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	10.000.000	-
Tiền trực in, hàng mẫu	615.728.570	93.293.769
Thu nhập khác	593.333.251	33.833.940
Cộng	1.219.061.821	127.127.709

10. Chi phí khác

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
Xử lý hàng tồn kho tồn đọng	829.224.014	-
Các khoản bị phạt	-	696.023
Chi phí khác	114.848.433	228.292.221
Cộng	944.072.447	228.988.244

11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	1.721.412.433	1.285.251.095
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại (các) Công ty con	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	1.721.412.433	1.285.251.095

12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
Lợi nhuận thuần sau thuế	5.417.831.784	4.836.804.740
Các khoản điều chỉnh:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	5.417.831.784	4.836.804.740
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	20.000.000	20.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	271	242

13. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
Lợi nhuận thuần sau thuế	5.417.831.784	4.836.804.740
Các khoản điều chỉnh:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	5.417.831.784	4.836.804.740
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	20.000.000	20.000.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	271	242

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

14. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	101.680.358.107	83.994.030.226
Chi phí nhân công	4.996.068.464	4.694.794.833
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.849.393.725	2.897.865.908
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.301.961.052	7.101.982.060
Chi phí khác bằng tiền	1.659.467.638	1.700.548.032
Cộng	128.487.248.986	100.389.221.059

VII. MỤC TIÊU VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản
Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

Rủi ro về lãi suất:

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các (khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn) của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng hầu hết các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 30/6/2025				
Vay và nợ	105.816.837.848	40.608.003.904	-	146.424.841.752
Phải trả người bán, phải trả khác	16.762.126.933	-	-	16.762.126.933
Chi phí phải trả	1.573.538.074	-	-	1.573.538.074
Cộng	124.152.502.855	40.608.003.904	-	164.760.506.759
Tại ngày 01/01/2025				
Vay và nợ	56.144.193.756	4.822.002.701	-	60.966.196.457
Phải trả người bán, phải trả khác	19.276.288.180	-	-	19.276.288.180
Chi phí phải trả	123.266.855	-	-	123.266.855
Cộng	75.543.748.791	4.822.002.701	-	80.365.751.492

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã sử dụng một phần quyền sử dụng đất, tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, hàng tồn kho, máy móc thiết bị, nhà cửa vật kiến trúc, quyền đòi nợ và quyền sử dụng đất làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn từ các ngân hàng (Thuyết minh số V.10 - Vay và nợ thuê tài chính).

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bất buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giá định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán và các công cụ nợ tài chính niêm yết được xác định theo giá trị thị trường.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính dài hạn và nợ phải trả tài chính dài hạn chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30/6/2025 và 31/12/2024. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc năm tài chính.

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	30/6/2025		31/12/2024		30/6/2025	31/12/2024
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	11.183.495.890	-	18.000.000.000	-	11.183.495.890	18.000.000.000
- Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	18.439.939.230	(1.492.491.412)	28.263.410.429	(901.114.025)	16.947.447.818	27.362.296.404
- Phải thu khách hàng	53.052.695.483	-	29.598.893.841	-	53.052.695.483	29.598.893.841
- Phải thu khác	8.123.578.697	-	4.549.753.561	-	8.123.578.697	4.549.753.561
- Tiền và các khoản tương đương tiền	91.383.110.286	-	52.430.821.051	-	91.383.110.286	52.430.821.051
TỔNG CỘNG	182.182.819.586	(1.492.491.412)	132.842.878.882	(901.114.025)	180.690.328.174	131.941.764.857
Nợ phải trả tài chính						
- Vay và nợ	146.424.841.752	-	60.966.196.457	-	146.424.841.752	60.966.196.457
- Phải trả người bán	16.762.126.933	-	19.087.070.273	-	16.762.126.933	19.087.070.273
- Chi phí phải trả	1.573.538.074	-	123.266.855	-	1.573.538.074	123.266.855
- Phải trả khác	-	-	189.217.907	-	-	189.217.907
TỔNG CỘNG	164.760.506.759	-	80.365.751.492	-	164.760.506.759	80.365.751.492

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Nhựa Tân Quang	Công ty liên kết
Ông Nguyễn Văn Bình	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Hữu Dương	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm Tổng Giám đốc ngày 15/7/2025)
Ông Đào Quốc Hùng	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Tuấn	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tôn Việt	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 25/4/2025)
Ông Nguyễn Thành An	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 25/4/2025)
Bà Nguyễn Thu Hằng	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Đỗ Thị Duyên	Thành viên Ban Kiểm soát
Bà Trần Ngọc Phương	Thành viên Ban Kiểm soát
Bà Lê Thị Thủy	Phó Tổng Giám đốc

Công ty có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
Mua hàng	7.831.186.363	13.670.591.819
Công ty CP Nhựa Tân Quang	7.831.186.363	13.670.591.819
Thanh toán tiền mua hàng	8.778.450.000	5.563.843.500
Công ty CP Nhựa Tân Quang	8.778.450.000	5.563.843.500

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

	30/6/2025	01/01/2025
Trả trước cho người bán	6.118.976.500	5.954.831.500
Công ty CP Nhựa Tân Quang	6.118.976.500	5.954.831.500

2. Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong kỳ:

Bên liên quan	Chức vụ	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
Ông Nguyễn Văn Bình	Chủ tịch HĐQT	30.000.000	-
Ông Nguyễn Hữu Dương	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm Tổng Giám đốc ngày 15/7/2025)	163.423.113	126.393.445
Ông Đào Quốc Hùng	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	116.862.780	101.282.584
Ông Nguyễn Đình Tuấn	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	18.000.000	-
Ông Nguyễn Tôn Việt	Thành viên HĐQT (Bỏ nhiệm ngày 25/4/2025)	6.600.000	-
Ông Nguyễn Thành An	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 25/4/2025)	95.797.926	12.389.576
Bà Nguyễn Thu Hằng	Trưởng Ban Kiểm soát	101.801.209	75.207.318
Bà Đỗ Thị Duyên	Thành viên Ban Kiểm soát	82.558.948	71.504.459
Bà Trần Ngọc Phương	Thành viên Ban Kiểm soát	94.560.644	72.739.557
Bà Lê Thị Thủy	Phó Tổng Giám đốc	102.533.368	-
Cộng		812.137.988	459.516.939

3. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu: theo khu vực địa lý

Trong kỳ, Công ty báo cáo hoạt động theo các khu vực địa lý: Nội địa, xuất khẩu. Công ty phân tích chi tiết các chỉ tiêu theo khu vực địa lý như sau:

Chỉ tiêu	Nội địa	Xuất khẩu	Tổng cộng
- Doanh thu thuần từ bán hàng bán ra bên ngoài	108.055.990.806	133.108.300.663	241.164.291.469
- Giá vốn hàng bán	106.350.093.346	116.114.982.611	222.465.075.957
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.705.897.460	16.993.318.052	18.699.215.512
- Chi phí bán hàng			5.510.995.279
- Chi phí quản lý doanh nghiệp			3.236.778.471
- Doanh thu hoạt động tài chính			4.891.915.318
- Chi phí tài chính			8.117.979.927
- Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết			108.805.331
- Thu nhập khác			1.219.061.821
- Chi phí khác			944.072.447
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế			7.109.171.858
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			1.721.412.433
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			5.387.759.425
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	-	-	-
Tài sản bộ phận	180.646.979.530	222.529.193.298	403.176.172.828
Tài sản không phân bổ	-	-	-
Tổng tài sản	180.646.979.530	222.529.193.298	403.176.172.828
Nợ phải trả bộ phận	76.793.220.345	94.597.393.317	171.390.613.662
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-
Tổng nợ phải trả	76.793.220.345	94.597.393.317	171.390.613.662

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ là số liệu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học MOORE AISIC. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO.

5. Thông tin về hoạt động liên tục: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

Trần Thị Việt Hoa
Người lập biểu
Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2025



Trần Thị Việt Hoa
Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Tuấn
Tổng Giám đốc



